

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KHÁNH HÒA**

Bản án số: 49/2023/HS-PT
Ngày 04 tháng 5 năm 2023.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Anh Khoa

Các Thẩm phán: Ông Võ Đình Phương

Bà Võ Thị Trâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Như Trung Hậu – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Bà Lê Ánh Dương - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 28 tháng 4 và 04 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 161/2022/TLPT-HS ngày 17 tháng 10 năm 2022, đối với bị cáo Lê Phước Trần Thị Hồng N, do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 254/2022/HS-ST ngày 17 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

Bị cáo có kháng cáo:

Lê Phước Trần Thị Hồng N - sinh năm 1979 tại Khánh Hòa; Nơi ĐKNKTT: 69/10 T - p. P - tp . - Khánh Hòa; Chỗ ở hiện nay: B T - p. P - tp . - Khánh Hòa; Nghề nghiệp: lao động tự do; Trình độ học vấn: 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Văn B (1958) và bà Lê Thị V (chết); Tiền sự: không; Tiền án: Bản án số 178/2017/HSST ngày 08/9/2017, TAND tp. Nha Trang xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 12/5/2020.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; Có mặt.

* **Bị hại:** Bà Trần Thị Bích N1 – sinh năm 1992; nơi ĐKNKTT: Số B đường C, phường P, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa; chỗ ở hiện nay: Căn hộ 646 CT 6 V, xã V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.

* **Người làm chứng:**

- Bà Bùi Thị L. Vắng mặt.

- Bà Võ Thị Diễm T. Vắng mặt.

- Ông Văn Đức T1. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Phước Trần Thị Hồng N là bạn bè ngoài xã hội với chị Trần Thị Bích N1, biết chồng chị N1 là Nguyễn Mạnh T2 đang bị khởi tố, điều tra, truy tố về tội “Môi giới mại dâm” xảy ra ngày 15/10/2018 tại nhà trọ M (11/143 N - p. L - tp . - Khánh Hòa) nên khoảng 08 giờ 00 phút, ngày 30/7/2019, khi đang uống cà phê trước Chung cư C - V - thành phố N thì N hỏi chị N1 vụ án của chồng chị N1 tới đâu rồi, chị N1 nói Viện kiểm sát đã đưa cáo trạng rồi. Lúc đó, N nói đề N gọi điện thoại hỏi coi thử có “chạy án” được cho chồng chị N1 không thì chị N1 đồng ý đề N nhờ người “giúp đỡ”. Sau đó, N đứng dậy, ra khỏi quán cà phê và cầm điện thoại gọi. Khoảng 05 phút sau, N vào nói với chị N1 là đã nhờ được người đứng ra “chạy án” cho chồng chị N1.

Đến khoảng 08 giờ 00 phút, ngày 07/8/2019, N gọi điện thoại cho chị N1, yêu cầu chị N1 đưa 5.000.000đ để gặp gỡ, giao dịch với những người có thẩm quyền giải quyết vụ án của chồng chị N1. Đến ngày 08/8/2019, N tiếp tục yêu cầu chị N1 đưa thêm 5.000.000đ và nói giá “chạy án” là 50.000.000đ. Chị N1 nói “Sao rẻ quá vậy” thì N nói đề N hỏi lại. Đến 13 giờ 00 phút cùng ngày, N điện thoại cho chị N1 nói giá chạy án cho chồng chị N1 là 150.000.000đ. Nếu không chạy án được thì N sẽ trả lại toàn bộ số tiền đã nhận của chị N1.

Vào ngày 18/8/2019, N hẹn gặp chị N1, anh T2 (chồng chị N1) và bà Võ Thị Diễm T (mẹ ruột chị N1) để nhận 20.000.000đ là tiền đặt cọc để chạy án.

Ngày 24/8/2019, N tiếp tục hẹn gặp chị N1 tại quán C1 trên đường T và nói chị N1 đưa thêm 02 phong bì, trong đó có 01 phong bì đựng 5.000.000đ, 01 phong bì đựng 100USD. N nói số tiền trên đưa cho cơ quan Công an và Viện kiểm sát.

Ngày 29/8/2019, N nói chị N1 đưa thêm cho N 20.000.000 đồng, trong đó 10.000.000đ là tiền “phát sinh”, còn 10.000.000đ là tiền “đặt cọc” thêm và tiếp tục hứa hẹn sẽ “chạy trắng án” cho anh T2.

Vào các ngày 20 và 21/9/2019, N tiếp tục gọi chị N1 đưa thêm 15.000.000đ và 5.000.000đ để gửi TAND tp. Nha Trang, nhờ chỉ cách khai trước tòa. Tổng số tiền N đã lấy của chị N1 là 75.000.000đ và 100USD.

Đến ngày 16/10/2019, Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang mở phiên tòa xét xử, tuyên phạt Nguyễn Mạnh T2 04 năm 6 tháng tù về tội “Môi giới mại dâm” thì chị N1 gọi điện thoại cho N nhiều lần để đòi tiền lại nhưng N tắt điện thoại. Đến ngày 26/10/2019, chị N1 đến Công an phường V trình báo sự việc. Tại đây, N đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình.

Tại bản cáo trạng số 107/CT-VKSNT ngày 25/3/2020, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang đã truy tố bị cáo Lê Phước Trần Thị Hồng N về tội là “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật hình sự.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 254/2022/HS-ST ngày 17 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang đã quyết định:

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; điểm g, h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật đối với bị cáo Lê Phước Trần Thị Hồng N; xử phạt bị cáo Lê Phước Trần Thị Hồng N 03 (ba) năm 6 (sáu) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm dân sự, án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo.

Ngày 26 tháng 8 năm 2022, bị cáo Lê Phước Trần Thị Hồng N kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo giữ nguyên kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa qua quá trình tranh tụng nhận thấy:

- Đối với bị cáo Lê Phước Trần Thị Hồng N: Theo biên bản ghi lời khai của bị hại, bà Trần Thị Bích N1 (BL120b) trình bày gặp N và N có hỏi về chồng của N1 là ông Nguyễn Mạnh T2 nhưng vẫn chưa làm rõ từ đâu mà N biết được vụ án Nguyễn Mạnh T2 phạm tội “Môi giới mại dâm”. Tại biên bản hỏi cung N (BL96) đều thể hiện N đi ra ngoài khoảng 05 phút sau đó quay lại và nhận lời “chạy án” cho N1, cấp sơ thẩm chưa làm rõ thời gian này N liên lạc với “chị đó”. Tại phiên tòa bị cáo khai sau khi gặp N1 hỏi việc “chạy án”, N đi ra ngoài gọi cho T1 để hỏi không phải là liên lạc với L. Cấp sơ thẩm chưa làm rõ vấn đề này.

Tại biên bản ghi lời khai bị hại N1 (BL121) trình bày, ngày 20/9/2019, N nói N1 đưa thêm 15 triệu đồng đưa cho Tòa án để lấy lời khai và ngày 21/9/2019, N có đưa tờ giấy ghi lời khai bày T2 khai trước Tòa chối tội. Tại biên bản đối chất giữa Nga và Bùi Thị L (BL212-213) thể hiện L thừa nhận có viết 02 giấy bày ghi lời khai đưa cho N, N trình bày sau khi đưa Cáo trạng cho L, 01 tờ đầu là L viết đưa, sau một thời gian L đưa thêm 01 tờ. Theo lời khai của Văn Đức T1 (BL244-245) trình bày: T1 đưa cho bà L 02 lần tiền vào ngày 24/8 và 29/8, bà L có đưa cho T1 02 tờ giấy nhưng không biết nội dung gì. Bà L trình bày đưa trực tiếp cho N không đưa cho T1. Tại phiên tòa, T1 trình bày N có nhờ đưa tiền cho bà L 02 lần nhưng không biết đưa tiền này để làm gì và N cũng không nói nhận gì từ bà L cho N. Tuy nhiên, khi đưa tiền bà L đưa 02 tờ giấy và T1 không biết nội dung. Lời khai có sự mâu thuẫn, cấp sơ thẩm chưa làm rõ những vấn đề trên.

Theo lời khai của N, tất cả tiền N1 đưa N đều đưa lại cho Bùi Thị L. Tại phiên tòa, N trình bày sau khi N1 đưa khoảng 30 triệu đồng thì N1 yêu cầu được gặp bà L. Tuy nhiên, N nói bà L không đồng ý gặp và nói lại nội dung L đã nói với N cho N1 nghe. Như vậy, thời điểm N1 yêu cầu được gặp L là khi nào, tại sao L không đồng ý gặp mà N1 vẫn tin tưởng để tiếp tục đưa tiền cho N. Cấp sơ thẩm chưa làm rõ vấn đề này.

Tại biên bản hỏi cung (BL176-177), N khai Bùi Thị L là người có hành vi lừa đảo không phải là bị cáo. N trình bày L hứa sẽ lo miễn thi hành án cho N với giá 20 triệu đồng. Tại phiên tòa, bị cáo khai có nhờ L miễn thi hành án cho bị cáo trong cùng khoảng thời gian mà N nhận tiền của N1 để chạy án cho N1. Bị cáo khai lấy 10 triệu trong tổng số tiền N1 đã đưa cho N, sau đó lấy 5 triệu trong tổng số tiền này. Tại phiên tòa, bị cáo trình bày bị cáo lấy số tiền này để lo tiền học cho con, như vậy số tiền để N khai tại tòa đưa cho bà L 18 triệu đồng để chạy thi hành án từ đâu mà có, có việc N nhờ L giúp miễn thi hành án cho mình hay không mà cấp sơ thẩm vẫn chưa làm rõ.

- Đối với bà Bùi Thị Kim L1: Tại Bản kết luận giám định số 60/GĐ-GT/2021 ngày 06/4/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh K chữ viết trên tài liệu giám định và chữ viết mang tên Bùi Thị L1 trên tài liệu mẫu so sánh là do cùng một người viết ra (BL202-203). Biên bản ghi lời khai bà L1 ngày 24/5/2022 thể hiện 02

giấy hướng dẫn khai tại tòa là do bà L1 viết (BL242-243). Cấp sơ thẩm chưa làm rõ từ đâu mà L1 biết được nội dung vụ án của T2 để viết lời khai đưa cho N1, L1 đưa cho N1 thời gian nào, đưa bao nhiêu lần. Sau đó N có đưa lại cho L1 02 tờ giấy này không nhưng cấp sơ thẩm chưa làm rõ.

Tại bản tự khai (BL169-170) L1 trình bày chạy hoãn thi hành án cho N khoảng 30 triệu đồng. Chạy án mại dâm cũng có số tiền đó còn 30 triệu L1 không nhận và vừa chạy vụ môi giới vừa thi hành án của N. Biên bản ghi lời khai (BL167-168), L1 khai nhận tiền của N lấy từ bạn N nhiều lần khoảng hơn 30 triệu. Tại biên bản ghi lời khai (BL165-166) L1 trình bày lo việc thi hành án về tội danh “Trộm cắp tài sản” của N khoảng từ tháng 6/2019 đến tháng 8/2019. Các bản ghi lời khai L1 đều khai tiền N bỏ phong bì gửi 03 lần cho ông T3 và 03 lần cho ông T4. N khai bỏ phong bì theo yêu cầu của L1 với số tiền khoảng 30 triệu đồng. Như vậy, trong lời khai của L1 có sự mâu thuẫn, số tiền N trình bày đưa cho bà L1 có bao gồm 18 triệu đồng hay không, đưa vào thời gian nào, để làm gì nhưng cấp sơ thẩm chưa làm rõ.

Như vậy, cấp sơ thẩm chưa làm rõ vai trò của Bùi Thị L1, chưa làm rõ số tiền N chiếm đoạt bao nhiêu là có thiếu sót, có dấu hiệu bỏ lọt người phạm tội và cấp phúc thẩm không thể bổ sung được.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm c Khoản 1 Điều 355; điểm b Khoản 1 Điều 358 BLTTHS tuyên hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại theo thủ tục chung.

Tại lời nói sau cùng, bị cáo Lê Phước Trần Thị Hồng N xin Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét đối với hành vi của bà Bùi Thị L1 và giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bị cáo kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn luật định, nên kháng cáo được cấp phúc thẩm xem xét.

[2] Nội dung kháng cáo và nội dung vụ án:

[2.1] Nội dung kháng cáo theo đơn kháng cáo và trình bày tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo thừa nhận có quen biết với chị N1 và nhận tiền của chị N1 để đưa cho bà Bùi Thị L1 nhằm tác động đến cán bộ Tòa án và Viện kiểm sát thành phố N giúp cho T2 (chồng của N1) được hưởng án treo trong một vụ án hình sự khác. Bị cáo khai đã nhận 6 lần với 75.000.000 đồng và 100 USD từ chị N1, bà T, anh T2. Trong đó, bị cáo có giữ 10.000.000 đồng để sử dụng cá nhân, còn lại bị cáo đưa cho bà Bùi Thị L1 để thực hiện việc “chạy án” treo cho anh T2. Do đó, bản án sơ thẩm xử phạt bị cáo 03 năm 06 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” với toàn bộ số tiền 75.000.000 đồng và 100 USD là không đúng, đồng thời đề nghị xem xét vai trò chủ mưu của bà Bùi Thị L1 trong vụ án này.

[2.2] Nội dung vụ án:

Hội đồng xét xử nhận thấy, tại các bút lục số biên bản ghi lời khai bà Bùi Thị L1 ngày 24/4/2020, ngày 01/7/2020 bút lục số 165, 166, 167, 168 bà Bùi Thị L1 khai

nhận có quen biết với bị cáo N thông qua anh T1 là bạn của em trai bà L1, đồng thời, sau khi nghe N nhờ giúp chạy án treo cho T2 thì bà L1 đồng ý. Bà L1 cũng khai tiền bồi dưỡng chạy án là tiền bà L1 nói N lấy từ bạn của N nhiều lần.

Bà L1 cũng khai tại bút lục 170 là N chở bà L1 đến Tòa án và Viện kiểm sát thành phố N và bà là người trực tiếp vào trong để đưa các phong bì tiền do N chuẩn bị sẵn để đưa cho các cán bộ. Tại phiên tòa, bị cáo N cũng khai rằng do bà L1 không biết đi xe máy nên mỗi lần cần gặp cán bộ thì N chở bà L1 đến cơ quan của họ để bà L1 vào trong liên hệ còn N ở ngoài đợi bà L1 ra báo kết quả. Những lần đi như vậy bà L1 đều báo lại mọi việc ổn, đồng thời, bà L1 còn viết 02 tờ giấy (01 tờ do Viện kiểm sát thành phố N hướng dẫn khai, 01 tờ do Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang hướng dẫn khai) bày cho T2 cách khai tại tòa nên bị cáo tin tưởng.

Như vậy, theo lời khai của bị cáo N và bà L1 thì ngoài số tiền 10.000.000 đồng N nói dối với N1 để sử dụng vào mục đích cá nhân (bị cáo khai đóng tiền học cho con) thì số tiền của gia đình N1 đưa N để thực hiện việc “chạy án” treo cho T2, bị cáo không chiếm đoạt hoàn toàn mà cùng bà L1 thực hiện việc chạy án treo cho T2. Ngoài ra, tại bút lục số 159, 160 và tại phiên tòa bị cáo khai không chủ động lấy tiền từ N1 chỉ khi nào bà L1 yêu cầu bị cáo thì bị cáo mới gọi cho N1 để lấy tiền đưa bà L1.

Như vậy, thực tế bị cáo N và bà L1 có đi cùng nhau đến Tòa án và Viện kiểm sát thành phố N để thực hiện việc chạy án treo cho T2. Do đó, cần làm rõ thời gian những lần mà N, bà L1 đi cùng nhau đến Tòa án và Viện kiểm sát thành phố N. Số tiền N nhận tiền từ gia đình chị N1 và sử dụng như thế nào tại các thời điểm đó. Bà L1 đã nhận từ bị cáo N bao nhiêu tiền và trách nhiệm của bà L1 đối với số tiền đã nhận.

Tại bút lục 201, 211, bà L1 bà phủ nhận việc đến gặp các cán bộ để xin chạy án treo cho T2 mà chính bị cáo N trực tiếp gặp và đưa phong bì, bà chỉ ở ngoài chờ bị cáo N. Việc thay đổi của bà L1 mâu thuẫn với những lời khai trước đó, vì danh tính của các cán bộ Tòa án và Viện kiểm sát thành phố Nha Trang là do bà L1 cung cấp. Nội dung này chưa được làm rõ, chưa được đối chất, ảnh hưởng đến việc xác định sự thật khách quan của vụ án.

Tại quyết định Trả hồ sơ điều tra bổ sung ngày 01/4/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang, yêu cầu điều tra trích xuất thông tin liên lạc của số thuê bao 0199637837 của bị cáo N và số thuê bao 0932454829 của bà L1 nhằm làm rõ thông tin liên quan đến vụ án nhưng chưa được thực hiện.

Hội đồng xét xử xét thấy cần phải làm rõ một số vấn đề như đã nhận định trên để nhằm xác định sự thật khách quan vụ án. Xem xét hành vi của bà Bùi Thị L1 trong việc giúp bị cáo thực hiện hành vi phạm tội, tránh bỏ lọt tội phạm, do đó, cần hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại theo theo thủ tục chung. Bản án hình sự sơ thẩm đã kiến nghị tiếp tục làm rõ có đồng phạm trong vụ án hay không nên Hội đồng xét xử sơ thẩm không có lỗi.

Do bản án sơ thẩm bị hủy nên không xem xét các nội dung kháng cáo của bị cáo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 343; căn cứ điểm c Khoản 1 Điều 355; điểm b Khoản 1 Điều 358 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

1. Hủy bản án hình sự sơ thẩm số 254/2022/HS-ST ngày 17 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang để điều tra lại theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

2. Chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang giải quyết lại theo thủ tục chung.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT 1 – TANDTC;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- Sở Tư pháp tỉnh Khánh Hòa;
- TAND tp. Nha Trang;
- VKSND tp. Nha Trang;
- Công an tp. Nha Trang;
- Chi cục THA dân sự tp. Nha Trang;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trần Anh Khoa

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- Công an tỉnh Khánh Hòa (Phòng hồ sơ);
- Công an thành phố Nha Trang;
- VKSND thành phố Nha Trang;
- Chi cục THADS thành phố Nha Trang;
- TAND thành phố Nha Trang;
- Sở Tư pháp tỉnh K/Hòa;
- Bị cáo + Người TGTT;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Anh Khoa

